

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ NGÂN HÀNG SỐ CỦA VIỆT NAM HIỆN TẠI - MỘT VÀI ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH TỪ GÓC NHÌN SO SÁNH

Ngôn Chu Hoàng¹
Email: hoangnc@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 21/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.703

Tóm tắt: Xuất phát từ tầm quan trọng và những tác động to lớn của chính sách, pháp luật đối với sự hình thành và phát triển của ngân hàng số, nghiên cứu nhỏ dưới đây sẽ sử dụng phương pháp luật học so sánh để đánh giá hiện trạng chính sách pháp luật hiện tại của Việt Nam về ngân hàng số. Đồng thời với việc so sánh, tác giả sẽ chỉ ra xu hướng phát triển của chính sách, pháp luật về ngân hàng số thông qua kinh nghiệm của nước ngoài, kết hợp với các chuẩn mực quốc tế về ngân hàng số từ đó đưa ra một vài dự báo và khuyến nghị cho Việt Nam.

Từ khóa: chính sách, pháp luật, ngân hàng số, so sánh, phân tích

I. Đặt vấn đề

Ngân hàng số không chỉ là một sự đổi mới về công nghệ mà còn là một công cụ chiến lược để giải quyết các thách thức kinh tế-xã hội quan trọng. Một trong những vai trò nổi bật nhất là thúc đẩy tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, sự phát triển của ngân hàng số còn tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế. Bằng việc tự động hóa quy trình và tối ưu hóa hoạt động, các ngân hàng số có thể cung cấp dịch vụ với chi phí thấp hơn đáng kể so với mô hình truyền thống.

Tại Việt Nam, cùng với xu hướng phát triển của công nghệ tài chính ngân hàng số cũng đang ở trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ, được định hình bởi tầm nhìn chiến lược quốc gia và sự chủ động của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Trong những năm qua, Việt Nam đã liên tục xây dựng các chính sách và cập nhật các quy định quan trọng tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngân hàng số. Có thể kể đến như Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 810/QĐ-NHNN của NHNN về Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng (Minh & Lâm, 2022); Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định 94/2025/NĐ-CP về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng. Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ, khung chính sách và pháp luật về ngân hàng số của Việt Nam hiện hành vẫn còn những khoảng trống và thách thức, tiêu biểu như chưa có không gian pháp lý rõ ràng cho mô hình ngân

¹ Khoa Luật - Trường Đại học Mở Hà Nội

hàng thuần số (neobank); hay chưa hoàn thiện các cơ chế bảo mật, an toàn, và bảo vệ người tiêu dùng tài chính số.

Xuất phát từ tầm quan trọng của chính sách và pháp luật đối với lĩnh vực ngân hàng số, nghiên cứu dưới đây sẽ sử dụng góc nhìn luật học so sánh để đánh giá thực trạng pháp luật về ngân hàng số của Việt Nam với một số quốc gia tiên phong, thành công trong lĩnh vực ngân hàng số như Singapore, Vương quốc Anh, và Hàn Quốc. Đồng thời với việc tác giả sẽ chỉ ra xu hướng phát triển của chính sách, pháp luật về ngân hàng số thông qua kinh nghiệm của nước ngoài, kết hợp với các chuẩn mực quốc tế về ngân hàng số từ đó đưa ra một vài dựa báo và khuyến nghị cho Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Định nghĩa về chính sách và pháp luật về ngân hàng số

Hiện tại, Việt Nam chưa có một văn bản luật riêng biệt hay một định nghĩa pháp lý chính thức cho “ngân hàng số”. Thay vào đó, chính sách và pháp luật về ngân hàng số là một hệ thống các quy định pháp lý đa ngành, được chấp vá và điều chỉnh từ khung pháp luật hiện hành để quản lý các hoạt động và dịch vụ ngân hàng được cung cấp trên nền tảng số. Chính sách là những định hướng, chủ trương, kế hoạch và mục tiêu chiến lược do Chính phủ, NHNN và các cơ quan quản lý khác ban hành nhằm thúc đẩy, điều tiết và quản lý sự phát triển của các dịch vụ tài chính dựa trên công nghệ số. Chính sách thường mang tính vĩ mô, định hướng dài hạn và thể hiện tầm nhìn của nhà nước đối với ngành. Pháp luật về ngân hàng số là hệ thống các quy phạm pháp luật (luật, nghị định, thông tư, quyết định) do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động ngân hàng

số (ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty Fintech, khách hàng), các điều kiện hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các biện pháp quản lý rủi ro, an ninh, bảo mật, và các chế tài xử lý vi phạm. Pháp luật mang tính bắt buộc thi hành và là công cụ để hiện thực hóa các mục tiêu chính sách.

Tại Việt Nam, chính sách và pháp luật là hai công cụ tồn tại song hành không thể tách biệt, luôn bổ trợ cho vai trò của nhau, giúp Nhà nước (bằng cách đa dạng hóa phương thức, công cụ) hiện thực hóa các mục tiêu điều hành, điều chỉnh, quản lý các quan hệ xã hội. Trong lĩnh vực ngân hàng số, các chính sách thường đóng vai trò mở đường, khuyến khích, thúc đẩy, mang tính thử nghiệm, thăm dò để từ đó “vừa làm, vừa đánh giá, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm”, sau khi đã có đủ cơ sở căn cứ Nhà nước mới tiến hành “luật hóa”. Đặc biệt, giữa chính sách và pháp luật có sự chuyển hóa và tác động qua lại lẫn nhau,

Hệ thống này được cấu thành từ bốn trụ cột chính:

Một là, khung pháp lý nền tảng Luật các Tổ chức tín dụng (LCTCTD) năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Đây là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh mọi hoạt động của các tổ chức tín dụng. Luật này không phân biệt giữa ngân hàng truyền thống và ngân hàng số, do đó các đơn vị cung cấp dịch vụ ngân hàng số về cơ bản vẫn phải tuân thủ các quy định chung như một ngân hàng thông thường. Điểm mới quan trọng nhất của luật này là lần đầu tiên tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng, mở đường cho các hoạt động đổi mới.

Hai là, các quy định cho phép hoạt động của ngân hàng số. Gồm các văn bản dưới luật quy định về các nội dung như định danh khách hàng điện tử như Thông tư 17/2024/TT-NHNN (e-KYC) (dựa trên

Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và các thông tư hướng dẫn ra hành lang pháp lý này cho phép các ngân hàng mở tài khoản cho khách hàng từ xa mà không cần gặp mặt trực tiếp, đây là yêu cầu tiên quyết cho hoạt động của ngân hàng số; Hay quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân Nghị định 13/2023/NĐ-CP là một văn bản pháp lý toàn diện, quy định chặt chẽ việc thu thập, xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đặc biệt, nghị định này phân loại “thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng” là “dữ liệu cá nhân nhạy cảm”, đòi hỏi các biện pháp bảo mật ở mức độ cao nhất.

Ba là, công cụ chính sách thúc đẩy đổi mới. Trụ cột này là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Regulatory Sandbox), được quy định tại Nghị định 94/2025/NĐ-CP (hiệu lực từ 01/07/2025). Đây là công cụ chính sách chủ động của nhà nước nhằm tạo ra một môi trường an toàn cho các công ty Fintech và ngân hàng thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ mới như cho vay ngang hàng (P2P Lending) hay Giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API) trước khi triển khai chính thức.

Khung pháp lý bảo vệ người tiêu dùng: Hiện tại, việc bảo vệ người tiêu dùng tài chính vẫn chủ yếu dựa trên các quy định chung của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Khung pháp lý này được đánh giá là còn phân mảnh, thiếu các quy định chuyên ngành và một cơ quan chuyên trách để giải quyết hiệu quả các tranh chấp phát sinh trong giao dịch tài chính số.

2.2. Vai trò và tác động của chính sách, pháp luật đối với sự hình thành và phát triển của ngân hàng số

Chính sách và pháp luật có vai trò đa chiều và ảnh hưởng sâu rộng đến sự hình thành và phát triển của ngân hàng số, bao gồm:

Thứ nhất, chính sách và pháp luật tạo lập nền tảng và hành lang pháp lý cho

sự hình thành, vận hành của ngân hàng số. “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (phủ, 2020) và “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (N. h. N. n. V. Nam, 2021) đã tạo ra tầm nhìn và lộ trình rõ ràng cho ngành ngân hàng. Đây chính là cơ sở để chức tín dụng xây dựng chiến lược và đầu tư vào chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tiến tới ngân hàng số. Đồng thời, các quy định của pháp luật đã cung cấp các cơ sở pháp lý để công nhận các giao dịch điện tử Ví dụ Luật Công nghệ thông tin 2006 đã đặt nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm cả ngân hàng chữ ký số, và các hình thức định danh trực tuyến.

Thứ hai, chính sách pháp luật định hình và kiểm soát quá trình phát triển của ngân hàng số. Các quy định về an ninh mạng (hội, 2018) và bảo mật thông tin khách hàng (Nam, 2024; phủ, 2018) đóng rất quan trọng để xây dựng lòng tin của khách hàng và đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính trong môi trường số. Ví dụ như quy định (Nam, 2023) về xác thực sinh trắc học cho giao dịch trên 10 triệu đồng là một động thái quyết liệt nhằm giảm thiểu gian lận và tài khoản “rác”. Bên cạnh đó chính sách và pháp luật minh bạch, thuận lợi sẽ tạo ra môi trường cho các ngân hàng đổi mới sáng tạo, làm cho hoạt động ngân hàng nhanh hơn, đáng tin cậy hơn và thân thiện hơn với khách hàng. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho Fintech (phủ, 2025) là một ví dụ điển hình, cho phép các giải pháp Fintech mới được thử nghiệm trong môi trường có kiểm soát, từ đó hoàn thiện quy định và thúc đẩy đổi mới. Tuy nhiên, nếu luật pháp chưa đủ chặt chẽ để kiểm soát, điều chỉnh, cạnh tranh quá mức có thể dẫn đến các vấn đề cạnh tranh không lành

mạnh và gia tăng rủi ro ngân hàng. Mặt khác, vai trò của chính sách, pháp luật về ngân hàng số nói riêng và chính sách pháp luật nói chung càng phản ánh rõ hơn nữa thông qua các vụ việc thực thể nơi quyền, lợi ích của người tiêu dùng bị xâm phạm. Trong không gian số, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng số các vấn đề về an toàn, an ninh, bảo mật càng cần được đề cao để không chỉ người dùng mà cả các ngân hàng và hoạt động quản lý nhà nước về ngân hàng số sẽ phát huy được hiệu quả.

Thứ ba, chính sách và pháp luật tạo điều kiện cho ngành ngân hàng Việt Nam hội nhập quốc tế, tiếp cận các công nghệ và mô hình kinh doanh hiện đại từ nước ngoài. Việc hài hòa khung pháp lý với các tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ như Open API) là yếu tố then chốt để thu hút đầu tư và hợp tác quốc tế.

III. Phương pháp tiếp cận

Đánh giá khung chính sách và pháp luật của Việt Nam về ngân hàng số thông qua 5 trụ cột chính là: Định danh khách hàng điện tử (eKYC); Quy định về bảo mật dữ liệu và bảo vệ thông tin khách hàng; Tiêu chuẩn và tuân thủ an ninh mạng; Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Regulatory Sandbox) Fintech; Sáng kiến và lộ trình ngân hàng mở (Open Banking). So sánh 5 trụ cột chính sách pháp luật Việt Nam về ngân hàng số kể trên với Singapore, Vương quốc Anh, và Hàn Quốc để đưa ra một vài phân tích.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Hiện trạng khung chính sách pháp luật Việt Nam về ngân hàng số

4.1.1. Quy định về định danh khách hàng điện tử (eKYC)

Quy trình định danh khách hàng trực tuyến (eKYC) đã chính thức được các tổ chức tín dụng tại Việt Nam áp dụng từ ngày 5/3/2021, sau một giai đoạn thí điểm

(B. h. t. g. V. Nam, 2021). Sự cho phép này tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở tài khoản từ xa, tăng cường đáng kể sự tiện lợi cho khách hàng. Quá trình eKYC được hỗ trợ bởi các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) như xác thực khuôn mặt (face-matching), nhận diện ký tự quang học (OCR) để trích xuất thông tin từ giấy tờ, và phát hiện người thật (liveness detection) để xác minh danh tính khách hàng dựa trên cơ sở dữ liệu tập trung (B. h. t. g. V. Nam, 2021).

Cơ sở pháp lý cho eKYC trong phòng chống rửa tiền (AML) được quy định trong Luật Phòng chống rửa tiền năm 2012, yêu cầu các tổ chức tài chính áp dụng các biện pháp eKYC khi khách hàng mở tài khoản thanh toán hoặc thiết lập mối quan hệ lần đầu. Các quy định chi tiết hơn về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán, bao gồm các điều khoản về eKYC, được quy định trong Thông tư số 17/2024/TT-NHNN. Thông tư này được ban hành nhằm phù hợp với các văn bản pháp luật mới hơn như Luật Căn cước năm 2023 và Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022.

4.1.2. Quy định về bảo mật dữ liệu và bảo vệ thông tin khách hàng

Pháp luật Việt Nam hiện tại đã có những quy định về bảo mật thông tin khách hàng như Nghị định 117/2018/NĐ-CP quy định các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải giữ bí mật thông tin khách hàng và chỉ được cung cấp theo quy định pháp luật hoặc với sự đồng ý rõ ràng của khách hàng. Một trong những quy định cốt lõi là cấm cung cấp thông tin xác thực khách hàng (như mã khóa bí mật, dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu truy cập) cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.

Thông tư 50/2024/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, cung cấp các quy định chi tiết về an toàn và bảo mật cho các dịch vụ ngân hàng trực tuyến (Nam,

2024). Thông tư này yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phải triển khai các biện pháp mạnh mẽ để bảo mật dữ liệu khách hàng, bao gồm mã hóa hoặc che giấu thông tin xác nhận giao dịch nhạy cảm trong quá trình lưu trữ. Thông tư cũng quy định chặt chẽ về quản lý quyền truy cập của nhân sự đối với dữ liệu khách hàng, các biện pháp ngăn chặn rò rỉ dữ liệu từ các thiết bị lưu trữ, và yêu cầu thông báo kịp thời cho khách hàng và NHNN (Cục Công nghệ thông tin) trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ dữ liệu. Đối với các ứng dụng Mobile Banking, có các yêu cầu cụ thể như đăng ký trên các cửa hàng ứng dụng chính thức, bảo vệ chống đảo ngược mã nguồn, các biện pháp chống can thiệp vào trao đổi dữ liệu, và cấm chức năng “ghi nhớ mật khẩu”. Quy định mới trong Thông tư 50/2024/TT-NHNN cho thấy sự tập trung ngày càng cao vào quyền riêng tư dữ liệu và an ninh mạng trong ngân hàng số. Điều này phản ánh sự nhận thức về sự tinh vi ngày càng tăng của các mối đe dọa an ninh mạng và tầm quan trọng của việc xây dựng lòng tin của khách hàng trong môi trường số. Sự phát triển từ các nguyên tắc bảo mật chung sang các yêu cầu kỹ thuật và vận hành chi tiết cho thấy một cách tiếp cận pháp lý ngày càng trưởng thành.

4.1.3. Tiêu chuẩn và tuân thủ an ninh mạng

Việt Nam đang đẩy mạnh các nỗ lực để điều chỉnh an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu. Luật An ninh mạng 2018 đưa ra các nguyên tắc chung về bảo vệ an ninh mạng, bao gồm việc thẩm định và chứng nhận điều kiện an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trước khi đưa vào hoạt động. Mặc dù mang tính tổng quát, luật này cung cấp một khuôn khổ để bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng, trong đó bao gồm các hệ thống ngân hàng. Dự thảo “Nghị

định Xử phạt Vi phạm Hành chính trong lĩnh vực An ninh Mạng” đang được xây dựng nhằm tăng cường các nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, với các mức phạt tiềm năng lên tới 5% tổng doanh thu tại Việt Nam đối với các vi phạm như xử lý dữ liệu bất hợp pháp hoặc không tuân thủ các quy định chuyển giao dữ liệu quốc tế. Mặc dù nghị định này chưa có hiệu lực, nhưng nó báo hiệu một chế độ thực thi nghiêm ngặt hơn trong tương lai.

Bên cạnh bức tranh tổng thể, thực tế vấn đề chính sách và pháp luật về an ninh mạng vẫn còn tồn tại những lỗ hổng. Các vấn đề thực tiễn bao gồm hạn chế trong công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý cán bộ của chính hệ thống ngân hàng, sức mạnh của hệ thống bảo mật chưa đủ mạnh để phát hiện các cuộc tấn công tinh vi, và đội ngũ cán bộ phụ trách bảo mật chưa có trình độ thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Ngoài ra, nhận thức và tinh thần cảnh giác của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng số còn chưa cao, góp phần làm tăng rủi ro (Nhưng, 2025).

Mặc dù Việt Nam đã thiết lập các luật an ninh mạng cơ bản và đang phát triển các quy định thực thi nghiêm ngặt hơn, nhưng những lỗ hổng thực tiễn được xác định (kiểm soát nội bộ, sức mạnh hệ thống, kỹ năng nhân sự, nhận thức khách hàng) cho thấy một khoảng cách đáng kể giữa ý định pháp lý và thực tế hoạt động. Điều này hàm ý rằng khung pháp lý đơn thuần là không đủ nếu không có các khoản đầu tư song song vào phát triển nguồn nhân lực, hạ tầng công nghệ và giáo dục công chúng. Sự tồn tại của các luật như Luật An ninh mạng 2018 và nghị định xử phạt hành chính sắp tới cho thấy một định hướng pháp lý rõ ràng. Tuy nhiên, các vấn đề thực tế về gian lận nội bộ, hệ thống bảo mật yếu kém và thiếu chuyên môn của nhân viên ngân hàng cho thấy những thiếu sót nghiêm trọng trong hoạt động. Bên cạnh sự hạn chế về quy định và

khả năng thực thi, vấn đề “nhận thức khách hàng thấp” cũng là một vấn đề mang tính hệ thống mà không một quy định nào có thể tự mình giải quyết. Điều này chỉ ra rằng trong khi khung pháp lý đang phát triển, việc triển khai thực tế và sự sẵn sàng của hệ sinh thái còn chậm, đặt ra một thách thức đáng kể đối với tổng thể an ninh của ngân hàng số tại Việt Nam. Nếu không giải quyết những điểm yếu thực tế này, ngay cả những luật mạnh mẽ nhất cũng sẽ khó đạt được mục quả bảo vệ như mong muốn.

4.1.4. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Regulatory Sandbox) Fintech

Vừa qua Việt Nam đã có một bước tiến quan trọng là việc ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025, thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) cho Fintech trong lĩnh vực ngân hàng (Nam, 2025). Nghị định này cung cấp cơ sở pháp lý để thử nghiệm các giải pháp Fintech đổi mới trong môi trường thực tế, có kiểm soát. Mục tiêu chính của sandbox bao gồm việc thiết lập các tiêu chuẩn cho các giải pháp Fintech sáng tạo, sử dụng kết quả thử nghiệm để hoàn thiện các quy định hiện hành, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phổ cập tài chính toàn diện. Ban đầu, ba giải pháp Fintech cụ thể được ưu tiên tham gia sandbox là: Chấm điểm tín dụng (Credit Scoring), Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API), và Cho vay ngang hàng (P2P Lending). Thời gian thử nghiệm trong sandbox thường là tối đa hai năm, với khả năng gia hạn (Gibbins, 2025). Việc tham gia yêu cầu phải có giấy phép đặc biệt và tuân thủ các điều kiện cụ thể, bao gồm việc là một doanh nghiệp Việt Nam được thành lập hợp pháp đối với dịch vụ P2P lending (Company, 2025). Việc giới thiệu một sandbox Fintech chuyên biệt đánh dấu một sự thay đổi quan trọng từ cách tiếp cận pháp lý phản ứng sang chủ động, thừa nhận sự cần

thiết của tính linh hoạt để thúc đẩy đổi mới trong một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng. Điều này cho thấy Việt Nam đang học hỏi từ các thông lệ quốc tế tốt nhất để thu hẹp khoảng cách pháp lý cho các công nghệ mới nổi. Việc tập trung vào một môi trường thử nghiệm có kiểm soát và các lĩnh vực Fintech có tác động cao cho thấy một cách tiếp cận chiến lược và thực dụng. Cơ chế này cho phép các nhà quản lý quan sát và hiểu rõ rủi ro và lợi ích của các công nghệ mới trước khi ban hành luật vĩnh viễn. Lập trường chủ động này trái ngược với các “khoảng trống pháp lý” trước đây và ngụ ý cam kết thúc đẩy đổi mới đồng thời giảm thiểu rủi ro hệ thống, một sự cân bằng quan trọng đối với một nền kinh tế số đang phát triển.

4.1.5. Sáng kiến và lộ trình ngân hàng mở (Open Banking)

Khái niệm Ngân hàng Mở, cho phép các ngân hàng chia sẻ dữ liệu tài chính của khách hàng với các nhà cung cấp bên thứ ba được ủy quyền, đã bắt đầu được quan tâm tại Việt Nam từ năm 2018, được công nhận về tiềm năng cách mạng hóa các mô hình kinh doanh và kiểm soát rủi ro (BIDV, 2022). Gần đây Việt Nam đang có những bước tiến đáng kể hướng tới Ngân hàng Mở với Thông tư số 64/2024/TT-NHNN, quy định các ngân hàng phải áp dụng các giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API) được tiêu chuẩn hóa (Team, 2025). Quy định này, có hiệu lực từ ngày 1/3/2025, tạo điều kiện cho các bên thứ ba truy cập dữ liệu một cách an toàn và thuận tiện với sự đồng ý của khách hàng.

Lộ trình triển khai yêu cầu các ngân hàng nộp danh sách API và kế hoạch triển khai chi tiết trước ngày 1/7/2025, với việc tuân thủ đầy đủ dự kiến vào ngày 1/3/2027. Ngân hàng Mở được coi là yếu tố then chốt để tiêu chuẩn hóa khả năng tương tác, thúc đẩy đổi mới Fintech, nâng cao trải nghiệm khách hàng và phù hợp với các xu hướng

số toàn cầu. Theo định hướng này, quy định sẽ trao quyền cho khách hàng kiểm soát tốt hơn dữ liệu tài chính của họ và tiếp cận nhiều dịch vụ hơn.

Lộ trình rõ ràng và việc bắt buộc áp dụng Open API thông qua Thông tư 64/2024/TT-NHNN báo hiệu một bước đi quyết định hướng tới một hệ sinh thái tài chính kết nối và cạnh tranh hơn. Điều này cho thấy Việt Nam đang chủ động xây dựng cơ sở hạ tầng cho đổi mới tài chính trong tương lai, chuyển từ các dịch vụ số cơ bản sang một mô hình “Tài chính Mở” tích hợp hơn. Việc chuyển đổi từ các cuộc thảo luận chung về Ngân hàng Mở sang các quy định pháp lý cụ thể với thời hạn rõ ràng cho thấy một cam kết nghiêm túc. Cách tiếp cận theo từng giai đoạn này cho phép các ngân hàng có thời gian điều chỉnh hệ thống của mình, trong khi việc tiêu chuẩn hóa API là rất quan trọng để thúc đẩy một hệ sinh thái thực sự, nơi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính khác nhau có thể tương tác liền mạch.

4.2. So sánh với kinh nghiệm nước ngoài về chính sách pháp luật ngân hàng số

4.2.1. Khung cấp phép và quy định về ngân hàng số của Singapore

Singapore, thông qua Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), đã thiết lập một khung cấp phép ngân hàng số rõ ràng với hai cấp độ: Ngân hàng Số Toàn diện (DFB) và Ngân hàng Số Bán buôn (DWB) (Advice, 2025). MAS áp dụng cách tiếp cận từng bước, theo đó các DFB ban đầu hoạt động với tư cách là các tổ chức bị hạn chế, có giới hạn về việc nhận tiền gửi công chúng trong 1-2 năm đầu, trước khi chuyển sang hoạt động đầy đủ (Advice, 2025). Cách tiếp cận theo giai đoạn này cho phép các ngân hàng số mới xây dựng năng lực và các nhà quản lý giám sát rủi ro một cách hiệu quả.

Singapore cũng đặt ra các yêu cầu về vốn điều lệ tối thiểu đáng kể (ví dụ: 1,5 tỷ

SGD cho DFB hoạt động đầy đủ, 100 triệu SGD cho DWB), thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với sự ổn định tài chính (Advice, 2025). Ngân hàng số tại Singapore phải tuân thủ các yêu cầu quy định tương tự như các ngân hàng truyền thống hiện có, bao gồm các lĩnh vực như an ninh mạng, chống rửa tiền (AML), chống tài trợ khủng bố và quản lý rủi ro công nghệ. MAS tích cực thúc đẩy các thực tiễn tốt nhất trong quản lý rủi ro công nghệ (Advice, 2025). Về bảo vệ khách hàng, các ngân hàng ở Singapore ưu tiên an ninh cho ngân hàng điện tử, áp dụng các tiêu chuẩn như mã hóa SSL 128-bit. Họ cũng có các chính sách rõ ràng về trách nhiệm của ngân hàng và khách hàng liên quan đến việc tài khoản bị xâm phạm và bồi thường thiệt hại do gian lận mà không phải do lỗi của khách hàng (Singapore, 2025).

Mô hình của Singapore về việc cấp phép ngân hàng số riêng biệt với cách tiếp cận tăng dần và yêu cầu vốn chặt chẽ cung cấp một lộ trình rõ ràng cho các ngân hàng số mới tham gia thị trường, đồng thời đảm bảo sự ổn định tài chính. Điều này hoàn toàn tương phản với việc Việt Nam hiện chưa có giấy phép cụ thể cho “ngân hàng thuần số” (neobank), cho thấy một mô hình tiềm năng để Việt Nam áp dụng nhằm thúc đẩy các tổ chức ưu tiên số hóa chuyên biệt. Việc phân loại chi tiết giấy phép DFB và DWB, cùng với cách tiếp cận theo từng giai đoạn cho DFB, cho thấy một thiết kế quy định tinh vi nhằm cân bằng đổi mới với giám sát thận trọng. Tình hình hiện tại của Việt Nam, nơi “ngân hàng thuần số” thiếu một không gian pháp lý cụ thể, có nghĩa là các tổ chức này hoặc không tồn tại dưới hình thức thực sự của chúng hoặc hoạt động dưới giấy phép ngân hàng truyền thống, điều này có thể không tối ưu. Yêu cầu vốn cao của Singapore cũng báo hiệu cam kết về sự lành mạnh tài chính ngay từ đầu. So sánh trực tiếp này

làm nổi bật một lĩnh vực quan trọng mà khung pháp lý của Việt Nam có thể phát triển để phù hợp hơn với các mô hình ngân hàng bản địa số.

4.2.2. Ngân hàng mở và quy định số của Vương quốc Anh

Khung Ngân hàng Mở của Vương quốc Anh chủ yếu được quản lý bởi Cơ quan Quản lý Tài chính (FCA), bắt nguồn từ Chỉ thị Dịch vụ Thanh toán của Châu Âu (PSD2) và việc triển khai tại quốc gia này, Quy định Dịch vụ Thanh toán (PSRs) (TrueLayer, 2025). PSD2 đã trao cho khách hàng quyền chia sẻ dữ liệu tài chính và thực hiện thanh toán thông qua các nhà cung cấp bên thứ ba. Cơ quan Cạnh tranh và Thị trường (CMA) của Vương quốc Anh còn yêu cầu chín ngân hàng lớn nhất (CMA9) xây dựng các API được tiêu chuẩn hóa để tạo điều kiện cho việc này, dẫn đến việc thành lập Tổ chức Triển khai Ngân hàng Mở (OBIE) (TrueLayer, 2025).

Chỉ các công ty được FCA cấp phép mới có thể sử dụng API Ngân hàng Mở. OBIE quản lý Tiêu chuẩn Ngân hàng Mở và các hướng dẫn về trải nghiệm khách hàng, bao gồm xác thực khách hàng mạnh mẽ (SCA). Vương quốc Anh cũng đang phát triển một khung pháp lý số toàn diện, bao gồm Đạo luật An toàn Trực tuyến (điều chỉnh nội dung trực tuyến và dịch vụ người dùng với người dùng) và Dự luật Bảo vệ Dữ liệu và Thông tin Số (sửa đổi luật bảo vệ dữ liệu) (Bird&Bird, 2025).

Khung Ngân hàng Mở của Vương quốc Anh, được thúc đẩy bởi các quy định bắt buộc về tiêu chuẩn hóa API, thể hiện một cách tiếp cận chủ động nhằm thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới thông qua chia sẻ dữ liệu. Điều này cung cấp một tiền lệ mạnh mẽ cho các sáng kiến Ngân hàng Mở non trẻ của Việt Nam, làm nổi bật tầm quan trọng của các tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng và giám sát quy định chặt chẽ để đảm bảo khả năng tương tác và sự tin cậy. Thông

tư 64/2024/TT-NHNN của Việt Nam về Ngân hàng Mở là một bước đi đúng hướng tương tự như PSD2/PSRs của Vương quốc Anh. Kinh nghiệm của Vương quốc Anh, đặc biệt là quy định của CMA về API tiêu chuẩn hóa và vai trò của OBIE, cung cấp một kế hoạch chi tiết để Việt Nam đảm bảo việc triển khai hiệu quả và tránh sự phân mảnh. Khung pháp lý số rộng lớn hơn của Vương quốc Anh cũng cho thấy một cách tiếp cận tương thành hơn để điều chỉnh toàn bộ nền kinh tế số, điều này cuối cùng sẽ tác động đến các dịch vụ tài chính. Điều này cho thấy rằng những nỗ lực của Việt Nam không chỉ nên tập trung vào các quy định cụ thể của ngân hàng mà còn xem xét môi trường quy định số rộng lớn hơn để đảm bảo sự gắn kết và hiệu quả.

4.2.3. Tài sản số và Fintech của Hàn Quốc

Hàn Quốc đã chuyển từ việc tranh luận “có nên” điều chỉnh tài sản số sang “làm thế nào” để làm điều đó, với hoạt động lập pháp đang tăng tốc (Mossland, 2025). Đạo luật Cơ bản về Tài sản Số (DABA) sắp tới dự kiến sẽ định nghĩa tài sản số và thiết lập một khung pháp lý toàn diện.

Hàn Quốc đã giới thiệu một cơ chế sandbox quy định thông qua “Đạo luật Đặc biệt về Hỗ trợ Đổi mới Tài chính” vào năm 2019, cho phép xác nhận nhanh chóng và các tiêu chuẩn linh hoạt cho các dịch vụ tài chính đổi mới. Hơn 183 dự án Fintech đã được chọn vào tháng 11/2021 (Lee et al., 2025). Mặc dù thúc đẩy Fintech, chính phủ Hàn Quốc nhấn mạnh việc chống rửa tiền (AML) và bảo vệ người tiêu dùng. Đạo luật AML sửa đổi áp dụng các yêu cầu đối với các Nhà cung cấp Dịch vụ Tài sản ảo (VASPs) (Lee et al., 2025). DABA cũng dự kiến sẽ bao gồm các điều khoản bảo vệ người dùng (Mossland, 2025).

Hàn Quốc còn có một sáng kiến vượt ra ngoài khuôn khổ của Open Banking (chủ yếu tập trung vào việc chia

sẽ dữ liệu từ ngân hàng cho bên thứ ba), chính sách MyData trao cho người tiêu dùng quyền kiểm soát tuyệt đối đối với dữ liệu cá nhân của mình (LII, 2025). Theo đó, người dùng có quyền yêu cầu bất kỳ tổ chức nào đang nắm giữ dữ liệu của họ (không chỉ ngân hàng mà còn cả công ty bảo hiểm, chứng khoán, thẻ tín dụng) phải chuyển dữ liệu đó đến một nhà cung cấp dịch vụ MyData được cấp phép mà họ lựa chọn. Các nhà cung cấp dịch vụ MyData này sau đó sẽ tổng hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn để cung cấp cho người dùng một cái nhìn toàn cảnh về tình hình tài chính của họ và đưa ra các lời khuyên, sản phẩm được cá nhân hóa. Để trở thành nhà cung cấp dịch vụ MyData, các công ty phải được FSC cấp phép và đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo mật và công nghệ thông tin cực kỳ nghiêm ngặt (LII, 2025) Đáng chú ý, tầm nhìn của MyData không chỉ dừng lại ở lĩnh vực tài chính mà còn đang được lên kế hoạch mở rộng sang các lĩnh vực khác như viễn thông, y tế, và thương mại điện tử (Services, 2015).

4.3. Những kinh nghiệm chính cho Việt Nam

Dựa trên tiếp cận các trụ cột nổi bật của Singapore, Anh và Hàn Quốc cho thấy sự tồn tại của ba triết lý điều tiết khác nhau, tạo thành một phổ chính sách và pháp luật đa dạng đa dạng. Mô hình của Singapore đại diện cho triết lý “Ưu tiên sự ổn định” (Stability-First). Với các yêu cầu về vốn cực cao, quy trình cấp phép theo giai đoạn và sự giám sát chặt chẽ, MAS đặt mục tiêu đảm bảo rằng bất kỳ thực thể mới nào tham gia thị trường cũng không thể gây ra bất ổn cho hệ thống tài chính vốn đã rất thành công của họ. Đổi mới được khuyến khích, nhưng phải diễn ra trong một khuôn khổ được kiểm soát chặt chẽ. Trong khi mô hình của Vương quốc Anh thể hiện triết lý “Thúc đẩy bởi thị trường”

(Market-Driven). Các nhà quản lý Anh sử dụng quy định như một công cụ để can thiệp và sửa chữa các khiếm khuyết của thị trường, cụ thể là tình trạng thiếu cạnh tranh do sự thống trị của một vài ngân hàng lớn. Sáng kiến Ngân hàng mở là một ví dụ điển hình, buộc các “ông lớn” phải mở cửa, tạo ra một sân chơi bình đẳng hơn cho các công ty nhỏ và mới. Còn Hàn Quốc có vẻ đang theo đuổi triết lý “Lấy người dùng làm trung tâm” (User-Centric Innovation). Bằng cách trao cho người dùng quyền kiểm soát dữ liệu của chính họ thông qua chính sách MyData, Hàn Quốc tin rằng đây sẽ là động lực mạnh mẽ nhất để thúc đẩy các mô hình kinh doanh sáng tạo và mang lại giá trị thực sự cho người tiêu dùng.

Khi đặt trong bối cảnh này, cách tiếp cận của Việt Nam dường như đang nghiêng về phía triết lý của Singapore, với sự ưu tiên dành cho sự thận trọng và kiểm soát. Tuy nhiên, khung pháp lý của Việt Nam hiện tại lại thiếu đi sự rõ ràng, toàn diện và các tiêu chuẩn cao như mô hình của Singapore. Việc nhận thức rõ các triết lý quản lý khác nhau này sẽ giúp Việt Nam có thể định vị chiến lược phát triển khung pháp lý cho ngân hàng số của mình một cách có chủ đích và hiệu quả hơn trong tương lai.

Tổng kết các bài học kinh nghiệm có thể đưa ra một số kinh nghiệm chính cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, liên quan đến cấp phép cho ngân hàng số: Việt Nam có thể xem xét áp dụng khung cấp phép theo cấp độ tương tự như mô hình DFB/DWB của Singapore. Điều này sẽ cung cấp một không gian pháp lý chuyên biệt cho ngân hàng thuần số, thúc đẩy sự phát triển của chúng đồng thời cho phép tăng trưởng có kiểm soát và quản lý rủi ro. NHNN cần sớm ban hành một Thông tư hoặc Nghị định hướng dẫn chi tiết về hoạt động ngân hàng số trong khuôn khổ

LCTCTD 2024. Văn bản này nên làm rõ các tiêu chí, điều kiện cho các hoạt động ngân hàng thực hiện hoàn toàn trên môi trường số. Đặc biệt, có thể xem xét áp dụng một số điều kiện nổi lỏng có thời hạn về các chỉ tiêu an toàn vốn hoặc các yêu cầu về hạ tầng vật lý cho các dự án ngân hàng số được phê duyệt, học hỏi từ mô hình an hạn áp dụng Basel III của Hàn Quốc (Commission, 2019).

Thứ hai, liên quan đến triển khai Ngân hàng Mở. Sự thành công của Ngân hàng mở tại Anh chứng tỏ rằng một hệ sinh thái chia sẻ dữ liệu hiệu quả cần hai yếu tố then chốt: (1) một cú hích chính sách từ cơ quan quản lý để đảm bảo sự tham gia của các ngân hàng lớn, và (2) một bộ tiêu chuẩn kỹ thuật chung để đảm bảo tính tương thích và an toàn trên toàn hệ thống (Banking, 2025). Mô hình MyData của Hàn Quốc còn cho thấy một tầm nhìn xa hơn, nơi quyền lực dữ liệu được trao về tay người dùng, tạo ra động lực cho những đổi mới đột phá (LII, 2025). Kinh nghiệm của Vương quốc Anh với việc bắt buộc tiêu chuẩn hóa API và vai trò của một tổ chức trung tâm như OBIE cung cấp một kế hoạch chi tiết để Việt Nam đẩy nhanh lộ trình Ngân hàng Mở của mình. Các tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là rất quan trọng để có khả năng tương tác liền mạch và đổi mới.

Thứ ba, về mở rộng và nâng cao hiệu quả của cơ chế Sandbox. Sự linh hoạt của sandbox tại Singapore, vốn không giới hạn lĩnh vực thử nghiệm mà đánh giá dựa trên bản chất của sự đổi mới, đã cho phép nhiều ý tưởng đột phá được thử nghiệm (Rodriguez & Yip, 2016). Cụ thể quy định về sandbox nên được cập nhật theo hướng linh hoạt hơn, không chỉ giới hạn ở ba lĩnh vực đã được xác định trước. Nên chuyển từ cách tiếp cận “chọn sẵn” (pre-defined) sang “dựa trên đề xuất” (proposal-based). Theo đó, NHNN sẽ đánh giá các đơn đăng ký tham gia sandbox dựa trên các tiêu chí như: tính đổi mới của công nghệ hoặc mô hình kinh doanh, lợi ích

tiềm năng mang lại cho người tiêu dùng và thị trường, và kế hoạch quản trị rủi ro toàn diện của ứng viên. Một quy trình đánh giá việc đạt chuẩn rõ ràng cũng là yếu tố quan trọng để các công ty có thể chuyển đổi thành công từ môi trường thử nghiệm ra thị trường chính thức (Advice, 2024).

Thứ tư, xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ người tiêu dùng. Cả ba quốc gia được nghiên cứu đều nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo vệ người tiêu dùng và đã xây dựng các cơ chế mạnh mẽ. Hàn Quốc có luật riêng (Korea, 2020), Anh có cơ quan giải quyết tranh chấp độc lập, và Singapore rất chủ động trong việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro (Singapore, 2022). Do đó Việt Nam cần nghiên cứu ban hành một Nghị định riêng về Bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính. Nghị định này cần tập trung giải quyết các vấn đề đặc thù của không gian số, bao gồm: yêu cầu về minh bạch hóa thông tin sản phẩm, phí và rủi ro; quy định về tính hợp pháp và rõ ràng của hợp đồng điện tử; và thiết lập một quy trình giải quyết tranh chấp trực tuyến đơn giản và hiệu quả. Bên cạnh đó có thể nghiên cứu thành lập một bộ phận chuyên trách về bảo vệ người tiêu dùng tài chính trực thuộc NHNN, hoặc tiến tới một cơ quan độc lập hơn trong dài hạn. Cơ quan này sẽ là đầu mối tiếp nhận, xử lý các khiếu nại, tranh chấp của người tiêu dùng một cách nhanh chóng, công bằng và chuyên nghiệp. Cuối cùng NHNN cần chủ trì, phối hợp với các tổ chức tín dụng để xây dựng một bộ quy tắc hoặc khung hướng dẫn rõ ràng về việc phân định trách nhiệm và chia sẻ tổn thất giữa tổ chức tín dụng và khách hàng trong các vụ việc lừa đảo trực tuyến.

4.4. Dự báo kịch bản và định hướng sự phát triển chính sách, pháp luật ngân hàng số của Việt Nam

Dựa trên xu thế phát triển công nghệ tài chính toàn cầu và định hướng chiến

lược trong nước, có thể phác thảo một số dự báo về môi trường ngân hàng số Việt Nam đến năm 2030 như sau: (i) Công nghệ số tiếp tục bùng nổ: Trí tuệ nhân tạo, máy học, blockchain, điện toán đám mây... sẽ ngày càng ứng dụng sâu rộng trong dịch vụ tài chính. Mô hình ngân hàng mở trở nên phổ biến, khách hàng có thể quản lý tài chính đa ngân hàng trên một ứng dụng duy nhất. (ii) Hành vi người dùng thay đổi: Thế hệ trẻ ưa chuộng giao dịch số, đòi hỏi trải nghiệm tức thì, cá nhân hóa, buộc ngân hàng phải liên tục đổi mới. (iii) Cạnh tranh đa dạng: Không chỉ giữa các ngân hàng, mà còn giữa ngân hàng với fintech, bigtech tham gia cung ứng dịch vụ tài chính. (iv) Rủi ro an ninh phi truyền thống gia tăng: Tội phạm mạng, gian lận công nghệ cao, tấn công vào hệ thống thanh toán số sẽ phức tạp hơn, đòi hỏi năng lực phòng thủ tốt. (v) Định hướng từ Nhà nước: Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu hình thành ngân hàng số toàn diện vào 2030, triển khai thí điểm thành công tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (Central Bank Digital Currency - CBDC) và các sản phẩm fintech sáng tạo, đồng thời hoàn thiện khuôn khổ pháp luật tương ứng. Trên cơ sở các dự báo này, tác giả đề xuất 3 kịch bản và định hướng sự phát triển chính sách, pháp luật ngân hàng số của Việt Nam đến năm 2030 cho lĩnh vực ngân hàng số, bao gồm: Kịch bản thụ động, Kịch bản cơ bản (phát triển theo đúng kế hoạch) và Kịch bản đột phá. Mỗi kịch bản phản ánh mức độ chủ động và kết quả khác nhau trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý và triển khai ngân hàng số như sau:

Kịch bản 1: Thụ động (chậm thay đổi). Ở kịch bản này, việc xây dựng chính sách diễn ra chậm chạp, chỉ phản ứng sau khi vấn đề nảy sinh rõ rệt. Hành lang pháp lý ngân hàng số đến 2030 vẫn chưa hoàn thiện đầy đủ: ví dụ, luật về ngân hàng mở

có thể chưa được ban hành, CBDC vẫn chỉ ở giai đoạn thí điểm giới hạn mà chưa có khung pháp lý chính thức, quy định về tài sản số/crypto có thể vẫn đang soạn thảo. Các ngân hàng thương mại tiếp tục số hóa nhưng thiếu định hướng thống nhất, dẫn đến mức độ kết nối, liên thông hạn chế. Sandbox fintech có thể mở rộng thêm một số lĩnh vực nhưng chưa được luật hóa, gây thiếu ổn định trong môi trường đầu tư fintech. Nhìn chung, chính sách tụt hậu một bước so với thị trường. Hệ quả, đổi mới sáng tạo trong nước bị kìm hãm so với khu vực; ngân hàng Việt Nam mất lợi thế cạnh tranh, và rủi ro xuất hiện (như gian lận, vi phạm dữ liệu) do khoảng trống pháp lý chưa được lấp đầy. Đây là kịch bản không mong muốn, nhưng có thể xảy ra nếu thiếu quyết tâm cải cách hoặc do bộ máy thực thi trì trệ.

Kịch bản 2: Cơ bản (phát triển theo đúng kế hoạch). Kịch bản này giả định Việt Nam tiếp tục lộ trình hiện tại một cách ổn định, tuần tự. Theo đó, đến khoảng 2026-2027, Chính phủ/NHNN ban hành được Nghị định về Ngân hàng mở, đặt nền móng cho chia sẻ dữ liệu và quản lý API trong ngành ngân hàng. Một số nội dung sandbox thành công sẽ được tích hợp vào luật (ví dụ, Luật TCTD hoặc luật riêng về Fintech có thể được soạn thảo và thông qua vào 2028). Khung pháp lý về CBDC dần hình thành qua việc sửa Luật Ngân hàng Nhà nước, cho phép NHNN thí điểm phát hành đồng tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương với quy mô giới hạn. Các quy định về bảo mật thông tin, an toàn hệ thống được cập nhật liên tục để đối phó rủi ro công nghệ mới. Trong kịch bản này, đến 2030 cơ bản Việt Nam có hành lang pháp lý cho hầu hết hoạt động ngân hàng số phổ biến, tuy mức độ hoàn thiện chưa cao như các nước tiên tiến. Ngành ngân hàng số phát triển khá mạnh nhờ sự hỗ trợ của chính sách: dịch vụ đa dạng, mô hình

ngân hàng mở dần phổ cập, fintech nội địa lớn mạnh trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Tuy vậy, vẫn có thể tồn tại một số điểm nghẽn như: chậm trễ trong ban hành luật mới do quy trình lập pháp kéo dài; năng lực giám sát còn hạn chế so với tốc độ thị trường. Đây được xem là kịch bản tích cực, phản ánh đúng kết quả theo định hướng hiện nay của Việt Nam.

Kịch bản 3: Đột phá. Đây là kịch bản tích cực nhất, trong đó Việt Nam có những bước nhảy vọt về chính sách nhằm bắt kịp và đi cùng nhịp với các nước phát triển trong ngân hàng số. Ở kịch bản này, Chính phủ và Quốc hội chủ động đưa vào chương trình xây dựng luật các nội dung về công nghệ tài chính sớm hơn dự kiến. Luật về ngân hàng số/fintech có thể được thông qua trước 2030, tạo khung pháp lý thống nhất cho những vấn đề mới như open banking, cho vay P2P, thanh toán số, crypto asset (theo hướng quản lý thử nghiệm hoặc cấp phép có điều kiện). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành (nâng cấp từ Nghị định 13) nhằm tăng hiệu lực bảo vệ quyền riêng tư, tương thích chuẩn quốc tế, giúp nâng cao lòng tin khách hàng và thuận lợi cho dịch vụ số phát triển. Việt Nam có thể phát hành CBDC bán lẻ vào khoảng 2028-2030 sau vài năm thí điểm thành công, đi kèm hành lang pháp lý rõ ràng cho việc lưu hành, quản lý CBDC trong nền kinh tế. Open banking trở thành bắt buộc: NHNN quy định lộ trình để các ngân hàng mở API cho bên thứ ba vào 2030, dưới sự quản lý an ninh chặt chẽ. Ở kịch bản này, ngân hàng số Việt Nam phát triển đột phá: mọi người dân đều có danh tính số đáng tin cậy, giao dịch tài chính thực hiện tức thì, chi phí thấp; fintech Việt Nam vươn ra khu vực nhờ môi trường khuyến khích; rủi ro hệ thống được kiểm soát tốt qua các công cụ giám sát công nghệ hiện đại mà NHNN áp dụng. Tất nhiên, để đạt được kịch bản

này đòi hỏi quyết tâm chính trị rất lớn, cải cách thể chế quyết liệt và nguồn lực đầu tư cho công nghệ, con người tương xứng.

Ba kịch bản trên, như đã phân tích, đều có thể xảy ra với những tác động cơ bản từ chính sách và pháp luật về ngân hàng số. Với những gì đang có ở hiện tại, tác giả cho rằng sẽ khá thực tế khi kì vọng thị trường ngân hàng số và những chính sách pháp luật tương ứng sẽ rơi vào đầu đó giữ kịch bản 2 và 3 - tức là phát triển tuần tự nhưng có những mũi nhọn đột phá, và tất nhiên Việt Nam cần chú trọng đầu tư xây dựng hoàn thiện chính sách, pháp luật phù hợp.

V. Kết luận

Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực ngân hàng số, được thúc đẩy bởi tầm nhìn quốc gia rõ ràng và các chính sách chủ động của NHNN. Những thành tựu trong việc áp dụng eKYC, tăng trưởng thanh toán số và thiết lập sandbox Fintech thể hiện cam kết đổi mới và tài chính toàn diện. Tuy nhiên, những thách thức vẫn còn tồn tại dưới dạng khoảng trống pháp lý cho ngân hàng thuần số, bảo vệ người tiêu dùng bị phân mảnh và nhu cầu nâng cao liên tục năng lực an ninh mạng. Phân tích so sánh với Singapore, Vương quốc Anh và Hàn Quốc cho thấy cơ hội để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện khung cấp phép, tăng cường triển khai Ngân hàng Mở và xây dựng một chế độ quản lý toàn diện cho tài sản số và các công nghệ mới nổi.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Advice, S. L. (2024). *Applying to the MAS FinTech Regulatory Sandbox*. <https://singaporelegaladvice.com/law-articles/applying-mas-fintech-regulatory-sandbox/>
- [2]. Advice, S. L. (2025). *A Guide to Digital Bank Regulation in Singapore* <https://singaporelegaladvice.com/law-articles/digital-bank-regulation-singapore/>
- [3]. Banking, O. (2025). *Regulatory* <https://www.openbanking.org.uk/regulatory/>

- [4]. BIDV. (2022). *Tổng quan về ngân hàng mở (Open Banking) | Ý nghĩa và lợi ích*. <https://bidv.com.vn/bidv/bidv-blog/bao-mat/open-banking-ngan-hang-mo>
- [5]. Bird&Bird. (2025). *UK Digital Regulations* <https://www.twobirds.com/en/trending-topics/digital-regulations>
- [6]. Commission, F. S. (2019). *FSC to Delay Implementation of Basel III for New Online-only Banks* <https://www.fsc.go.kr/eng/pr010101/22206>
- [7]. Company, F. L. (2025). *Regulatory Sandbox for Fintech Solutions*. <https://www.frasersvn.com/legal-updates-and-publications/regulatory-sandbox-for-fintech-solutions>
- [8]. Gibbins, T. (2025). *Vietnam's Regulatory Sandboxes: Paving the Way for Digital Innovation*. <https://www.tilleke.com/insights/vietnams-regulatory-sandboxes-paving-the-way-for-digital-innovation/2/>
- [9]. Luật An ninh mạng 2018, (2018).
- [10]. ACT ON THE PROTECTION OF FINANCIAL CONSUMERS, (2020). https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=54646&type=part&key=23
- [11]. Lee, J. M., Kim, J. Y., Kim, G.-J., & Lee, S. S. H. (2025). SOUTH KOREA: An Introduction to FinTech Legal. <https://chambers.com/content/item/4318>
- [12]. LII, K. (2025). *MyData* <http://www.koreanlii.or.kr/w/index.php/MyData?ckattempt=1>
- [13]. Minh, H. T. T., & Lâm, H. X. (2022). *Ngân hàng số Việt Nam năm 2030 - Giải pháp từ nội tại ngân hàng thương mại*. <https://sbv.gov.vn/vi/w/sbv511015>
- [14]. Mossland. (2025). *Digital Asset Basic Act: A New Financial Order Begins*. *Medium*. <https://medium.com/mossland-blog/digital-asset-basic-act-a-new-financial-order-begins-5ac8c2518fff>
- [15]. Nam, B. h. t. g. V. (2021). *Triển khai eKYC: Cần hoàn thiện khung pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật cho việc chia sẻ dữ liệu. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*. <https://div.gov.vn/trien-khai-ekyc-can-hoan-thien-khung-phap-ly-va-tieu-chuan-ky-thuat-cho-viec chia-se-du-lieu->
- [16]. Quyết định 810/QĐ-NHNN năm 2021 phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, (2021).
- [17]. Quyết định 2345/QĐ-NHNN năm 2023 triển khai giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, (2023).
- [18]. Thông tư 50/2024/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, (2024).
- [19]. Nam, N. H. N. N. V. (2025). *Hoàn thiện khung khổ pháp lý về fintech góp phần cho công cuộc chuyển đổi số quốc gia*. <https://sbv.gov.vn/vi/w/ho%C3%A0n-t h i % E 1 % B B % 8 7 n - k h u n g - k h % E 1 % B B % 9 5 - p h % C 3 % A 1 p - l % C 3 % B D - v % E 1 % B B % 8 1 - f i n t e c h - g % C 3 % B 3 p - p h % E 1 % B A % A 7 n - c h o - c % C 3 % B 4 n g - c u % E 1 % B B % 9 9 c - c h u y % E 1 % B B % 8 3 n - % C - 4 % 9 1 % E 1 % B B % 9 5 i - s % E 1 % B B % 9 1 - q u % E 1 % B B % 9 1 c - g i a - l>
- [20]. Nhung, P. T. H. (2025). *Phát triển ngân hàng số và một số vấn đề đặt ra trong phòng, chống tội phạm*. <https://phaply.net.vn/phat-trien-ngan-hang-so-va-mot-so-van-de-dat-ra-trong-phong-chong-toi-pham-a254109.html>
- [21]. Nghị định 117/2018/NĐ-CP về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, (2018).
- [22]. Nghị định 94/2025/NĐ-CP quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, (2025).
- [23]. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, (2020).

- [24]. Rodriguez, R., & Yip, S. (2016). *MAS Regulatory Sandbox Guidelines for FinTech* https://www.duanemorris.com/articles/regulatory_sandbox_guidelines_for_fintech_0117.html
- [25]. Services, M. (2015). *My data, my payment: Open Banking in South Korea*. <https://www.mastercardservices.com/en/advisors/sustainability-financial-inclusion-consulting/insights/my-data-my-payment-open-banking>
- [26]. Singapore, M. A. o. (2022). *Additional Measures to Strengthen the Security of Digital Banking*.
- [27]. Singapore, T. A. o. B. i. (2025). *FAQs - E-BANKING* <https://www.abs.org.sg/consumer-banking/consumers/e-banking>
- [28]. Team, B. (2025). *How Open Banking is Evolving in Vietnam with The New Circular 64*. <https://blog.branks.com/How-Open-Banking-is-Evolving-in-Vietnam-with-The-New-Circular-64>
- [29]. TrueLayer. (2025). *Open banking regulation in the UK*. <https://truelayer.com/reports/open-banking-guide/open-banking-regulation-in-the-uk/>

VIETNAM'S CURRENT POLICIES AND LAWS ON DIGITAL BANKING - SOME ASSESSMENTS AND ANALYSES FROM A COMPARATIVE PERSPECTIVE

Ngon Chu Hoang²

Abstract: *Stemming from the importance and significant impacts of policies and laws on the formation and development of digital banking, this study employs a comparative legal methodology to assess the current state of Vietnam's policies and laws on digital banking. Through comparison, the author will identify trends in the development of digital banking policies and laws by drawing on international experiences and aligning with global standards for digital banking. From this, the study offers some forecasts and recommendations for Vietnam.*

Keywords: *policy, law, digital Banking, comparison, analysis*

² Hanoi Open University